

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIAO THỦY  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HS - ST  
Ngày 19 - 6 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ông Ngọc Lễ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Giao

Bà Quách Thị Lùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Th; sinh năm 1966, tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm Thanh Nh, xã Giao Th, huyện Giao Th, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quang M (đã chết) và bà Đặng Thị Ng; có chồng là Bùi Quang Kh; có 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện tại ngoại, chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 26 ngày 24- 02- 2020 của cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy “có mặt”.

*Người làm chứng:*

- Anh Vũ Trường Ch “vắng mặt”

- Ông Bùi Quang Kh “có mặt”

*Người chứng kiến:*

- Anh Lều Văn L “vắng mặt”

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 20-01-2020 tổ công tác liên ngành gồm: Công an huyện Giao Thủy phối hợp với Đội quản lý thị trường số 5 - Cục quản lý thị trường tỉnh Nam Định và Công an xã Giao Thanh, huyện Giao Thủy tiến hành kiểm tra cửa hàng tạp hóa của Nguyễn Thị Th, phát hiện Th đang có hành vi bán 01 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 454g/gói với giá 25.000 đồng và 01 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói với giá 55.000 đồng cho anh Vũ Trường Ch. Nguyễn Thị Th khai nhận hai gói mì chính bán cho anh Ch trong đó có 01 gói mì chính MIWON loại 454g/gói là mì chính giả. Nguyễn Thị Th còn tự giác giao nộp 07 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói, 03 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 454g/gói và 15 gói mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO loại 454g/gói. Nguyễn Thị Th khai nhận toàn bộ số mì chính giao nộp là mì chính giả mua về để bán kiếm lời, ngoài ra còn thu giữ của Thảo 80.000 đồng. Tổ công tác đã lập biên bản thu giữ số hàng hóa nghi là hàng giả và niêm phong đưa về Công an huyện Giao Thủy gồm: 01 gói mì chính ghi nhãn hiệu MIWON loại 01kg được niêm phong ký hiệu M1; 01 gói mì chính ghi nhãn hiệu MIWON loại 454gam được niêm phong ký hiệu M2; 07 gói mì chính ghi nhãn hiệu MIWON loại 01 kg được niêm phong ký hiệu M3; 03 gói mì chính ghi nhãn hiệu MIWON loại 454gam được niêm phong ký hiệu M4; 15 gói mì chính ghi nhãn hiệu AJINOMOTO loại 454gam được niêm phong ký hiệu M5.

Tại bản kết luận giám định 723/C09-P4 ngày 14/02/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- 01 (một) gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói (ký hiệu M1); 01 (một) gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 454g/gói (ký hiệu M2); 07 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói (ký hiệu M3); 03 (ba) gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 454g/gói (ký hiệu M4) không tiến hành giám định do không có mẫu so sánh tương ứng (vì các mẫu: M1, M3 gửi giám định có bao bì, nhãn mác không tương ứng với bao bì, nhãn mác của các mẫu so sánh A1 mẫu M2, M4 gửi giám định có bao bì, nhãn mác không tương ứng với bao bì, nhãn mác của mẫu so sánh A2).

- 15 (mười năm) gói mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO loại 454g/gói (ký hiệu M5) gửi giám định đều không cùng loại với gói mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO loại 454g/gói (ký hiệu A3) do công ty AJINOMOTO Việt Nam cung cấp làm mẫu so sánh. Các mẫu gửi giám định có hàm lượng kim loại nặng Asen (As); Thủy ngân (Hg); Cadimi (Cd); Chì (Pb) đạt tiêu chuẩn cho phép về hàm lượng kim loại nặng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (QCVN – 2:2011/BYT).

Ngày 13/03/2020 cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy đã tiến hành trưng cầu giám định bổ sung gồm:

- 01 (một) gói dạng mì chính ghi nhãn hiệu MIWON loại 454g/gói được đựng trong hộp giấy ký hiệu M2.

- 07 (bảy) gói dạng mì chính ghi nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói được đựng trong hộp giấy ký hiệu M3.

- 03(ba) gói dạng mì chính ghi nhãn hiệu MIWON loại 454g/gói được đựng trong hộp giấy ký hiệu M4.

Mẫu so sánh:

- 01 (một) gói dạng mì chính sản phẩm chính hãng nhãn hiệu MIWON loại 454g/gói do Công ty TNHH MIWON Việt Nam cung cấp, ký hiệu S1.

- 01 (một) gói dạng mì chính sản phẩm chính hãng nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói do Công ty TNHH MIWON Việt Nam cung cấp, ký hiệu S2.

Tại bản kết luận giám định số 1487/C09 –P4 ngày 13/03/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- 07 (bảy) gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói (ký hiệu M3) gửi giám định là hàng giả, đều có vỏ túi bao bì và sản phẩm thành phẩm không cùng loại với vỏ túi bao bì và sản phẩm thành phẩm của gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 1kg/gói (ký hiệu S1) do Công ty TNHH MIWON Việt Nam cung cấp làm mẫu so sánh.

- Các mẫu gồm: 01 (một) gói mì chính hãn hiệu MIWON loại 454g/gói (ký hiệu M2); 03 (ba) gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 454g/gói (ký hiệu M4) gửi giám định là hàng giả, đều có vỏ túi bao bì và sản phẩm thành phẩm không cùng loại với vỏ túi bao bì và sản phẩm thành phẩm gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 454g/gói (ký hiệu S2) do Công ty TNHH MIWON Việt Nam cung cấp làm mẫu so sánh.

- Các mẫu ký hiệu (M2, M3, M4) gửi giám định có hàm lượng kim loại nặng Asen (As); Thủy ngân (Hg); Cadimi (Cd); Chì (Pb) đạt tiêu chuẩn cho phép về hàm lượng kim loại nặng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (QCVN – 2:2011/BYT) (BL65).

Trong quá trình điều tra Nguyễn Thị Th khai nhận vào năm 2019 (không nhớ ngày, tháng cụ thể), Thảo đã mua 02 bao mì chính không chính hãng của hai người đàn ông đi xe ô tô tải đến cửa hàng bán cho Thảo (Thảo không biết tên tuổi địa chỉ của hai người đó) gồm: 01 bao mì chính nhãn hiệu MIWON có 50 gói loại 01kg/gói mua với giá 45.000đ/01 gói và 01 bao mì chính nhãn hiệu AJINOMOTO và MIWON có 100 gói loại 454gam/gói (không nhớ cụ thể số lượng từng loại) mua với giá 21.000đ/gói để bán kiếm lời. Tổng số tiền hàng giả Nguyễn Thị Th đã mua là 4.345.000 đồng, Nguyễn Thị Th đã bán được 43 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói với giá 50.000 đồng/gói và 81 gói mì chính nhãn hiệu MIWON và AJINOMOTO loại 454g/gói với giá 25.000 đồng/gói (không nhớ số lượng của từng nhãn hiệu). Tổng số tiền hàng giả Nguyễn Thị Th đã bán được 4.1750.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 54/CT - VKS ngày 11-5-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Th về tội “Buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm” theo khoản 1 Điều 193 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “Buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm”: Về hình phạt áp dụng khoản 1 Điều 193; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự tịch thu 25.000 đồng là tiền Th bán mỳ chính giả cho Ch mà có và truy thu đối với Th số tiền 4.175.000đ sung ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, không tranh luận gì. Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tang vật thu giữ. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 20 tháng 01 năm 2020 tổ công tác liên ngành gồm: Công an huyện Giao Thủy phối hợp với Đội quản lý thị trường số 5 - Cục quản lý thị trường tỉnh Nam Định và Công an xã Giao Thanh, phát hiện cửa hàng bán tạp hóa của Nguyễn Thị Th, Th đang có hành vi bán 01 gói mì chính giả nhãn hiệu MIWON loại 454g/gói cho anh Vũ Trường Ch với giá 25.000 đồng. Ngoài ra Nguyễn Thị Th tự giác giao nộp 07 gói mì chính giả nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói; 03 gói mì chính giả nhãn hiệu MIWON loại 454g/gói; 15 gói mì chính giả nhãn hiệu AJNOMOTO loại 454g/gói. Tổng số trị giá số tiền hàng giả là 798.000 đồng, tương đương với giá trị hàng thật là 944.200 đồng, mục đích để bán kiếm lời. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước,

xâm phạm đến quyền được bảo hộ của các doanh nghiệp, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người tiêu dùng. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, kinh tế gia đình khó khăn do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ các quy định của pháp luật, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 25.000đ Th bán 01 gói mỳ chính giải cho Ch và truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 4.175.000đ do Th đã bán mỳ chính giả.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1.Căn cứ vào khoản 1 Điều 193; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “Buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm”; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Th cho UBND xã Giao Thanh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách (trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự tịch thu số tiền 25.000đ (hai mươi lăm nghìn đồng) giao dịch bất chính (đã thu giữ tại biên lai thu số 0001249 ngày 25 - 5 - 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy) và truy thu đối với Nguyễn Thị Th số tiền 4.175.000đ (bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Th phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ông Ngọc Lễ**









